

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 9 – 2020
“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Bà **Nguyễn Thanh Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt-Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy -Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh **Danh C (G)**, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã NT, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Đặng Thị T trình bày như sau:

Chị T và anh Danh C (G) chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 16/01/2007.

Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên ăn nhậu và tham gia các tệ nạn xã hội như đánh bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Danh C (G).

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Hoàng T1, sinh năm 15/12/2007, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Danh C (G) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 giấy khai sinh (Bản sao); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (Bản chính); đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú của bị đơn; văn bản trình bày ý kiến của Danh Hoàng T1; biên bản xác minh chính quyền địa phương.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân chị T và anh C có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Vợ chồng có 01 người con chung tên Danh Hoàng T1, sinh năm 15/12/2007, hiện đang sống chung với chị T.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày. Anh C vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Tuy nhiên Thẩm phán còn đề vụ án quá hạn là vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C. Về nội dung đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh C;

giao cháu Danh Hoàng T1, sinh năm 15/12/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn anh C có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Danh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/01/2007 nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đã tự ly thân hơn 01 năm không còn quan tâm, chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị thực sự trầm trọng đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Danh Hoàng T1, sinh năm 15/12/2007, chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, cháu T1 có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị T. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất

giao cháu Danh Hoàng T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T1. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Danh C (G).

2. Về con chung: Giao cháu Danh Hoàng T1, sinh năm 15/12/2007 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh C không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm

ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008339 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/9/2020), anh C vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm